

HPV VACCINATION PRACTICE OF STUDENTS OF THE FACULTY OF PHARMACY OF HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2023 AND SOME RELATED FACTORS

Ngo Thi Tam¹, Nguyen Thi Quynh¹, Ngo Lan Anh², Nguyen Thi Phuong Lan^{2*}

1. Dai Nam University - 1 Xom ward, Ha Dong district, Hanoi, Vietnam

2. VNU, University of Medicine and Pharmacy - 144 Xuan Thuy, Cau Giay district, Hanoi, Vietnam

Received: 22/05/2024

Revised: 01/06/2024; Accepted: 01/07/2024

ABSTRACT

Objective: Describe the current status of HPV vaccination practices among students of the Faculty of Pharmacy at University of Medicine and Pharmacy - Hanoi National University in 2023 and some related factors.

Research objects and methods: Cross-sectional descriptive study via online survey conducted on 234 students of VNU, University of Medicine and Pharmacy in 2023.

Results: There were 70 students (29.9%) vaccinated against HPV, of which 23.9% of students had received all 3 doses of HPV vaccine. Women have a significantly higher rate of practice than men (29.3% compared to 5.7%). The HPV vaccination rate was highest among students from the city (42.6%) and lowest among students from mountainous areas (7.1%). Students who share with their families about sex, have acquaintances with cervical cancer, hear information about HPV from medical staff and the media, receive vaccination advice from relatives, health care workers, or students with knowledge about cervical cancer and HPV, had a significantly higher rate of HPV vaccination practice than the other groups ($p < 0.05$).

Conclusion: Practice of full-dose HPV vaccination among students at University of VNU, Medicine and Pharmacy is still low, accounting for 23.9%. Personal characteristics such as year of study, gender, place of residence, relationship and information access characteristics of students are related to HPV vaccination practices.

Keywords: HPV, cervical cancer, HPV vaccination practice, HPV prevention.

* Corresponding author

Email address: phuonglan.ump@vnu.edu.vn

Phone number: (+84) 906138889

<http://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD7.1330>

THỰC HÀNH TIÊM PHÒNG HPV CỦA SINH VIÊN KHOA DƯỢC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2023 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Ngô Thị Tâm¹, Nguyễn Thị Quỳnh¹, Ngô Lan Anh², Nguyễn Thị Phương Lan^{2*}

1. Trường Đại học Đại Nam - 1 phố Xóm, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

2. Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 22/05/2024

Ngày chỉnh sửa: 01/06/2024; Ngày duyệt đăng: 01/07/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng thực hành tiêm phòng HPV của sinh viên Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023 và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang qua khảo sát trực tuyến được thực hiện trên 234 sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023.

Kết quả: Có 70 sinh viên (29,9%) đã tiêm phòng vaccin HPV, trong đó có 23,9% sinh viên đã tiêm đủ 3 mũi vaccin HPV. Nữ giới có tỷ lệ thực hành đạt cao hơn đáng kể so với nam giới (29,3% so với 5,7%). Tỷ lệ tiêm phòng HPV cao nhất ở sinh viên tới từ thành phố (42,6%) và thấp nhất ở nhóm sinh viên tới từ miền núi (7,1%). Những sinh viên có chia sẻ với gia đình về tình dục, có người quen mắc ung thư cổ tử cung, được nghe thông tin về HPV từ nhân viên y tế, phương tiện truyền thông, nhận được lời khuyên tiêm phòng từ người thân, nhân viên y tế, hoặc những sinh viên có kiến thức về ung thư cổ tử cung và về HPV có tỷ lệ thực hành tiêm chủng HPV cao hơn đáng kể so với những nhóm còn lại ($p < 0,05$).

Kết luận: Thực hành tiêm đủ liều vaccin HPV ở sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội còn thấp, chiếm 23,9%. Các đặc điểm cá nhân như năm học, giới tính, nơi sống, mối quan hệ và các đặc điểm tiếp cận thông tin của sinh viên có liên quan tới thực hành tiêm phòng HPV.

Từ khóa: HPV, ung thư cổ tử cung, thực hành tiêm phòng HPV, phòng chống HPV.

* Tác giả liên hệ

Email: phuonglan.ump@vnu.edu.vn

Điện thoại: (+84) 906138889

<http://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD7.1330>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung là một vấn đề sức khỏe cộng đồng toàn cầu, với gánh nặng đặc biệt cao ở nhiều quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Năm 2020, ước tính có khoảng hơn 604.000 trường hợp mắc mới ung thư cổ tử cung và gần 342.000 trường hợp tử vong do ung thư cổ tử cung trên toàn thế giới [1].

Hiện nay, biện pháp dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung hữu hiệu nhất là tiêm vaccin ngừa một loại virut phổ biến (thường gây ra sự hình thành các u nhú trên da hoặc niêm mạc, được biết đến với tên gọi thông thường là mụn cóc), đó là human papilloma virus (HPV) và tầm soát định kỳ để phát hiện sớm với kế hoạch điều trị hiệu quả có thể mang đến cơ hội khỏi bệnh lên tới 90%. Do đó việc tuyên truyền nâng cao nhận thức phòng bệnh cho phụ nữ trong cộng đồng về căn bệnh này là rất quan trọng, đặc biệt là phụ nữ trẻ ở nhóm tuổi từ 20-25 tuổi, lứa tuổi bắt đầu xuất hiện những nguy cơ tiềm ẩn về bệnh ung thư cổ tử cung, và cũng là độ tuổi thích hợp tiêm phòng HPV. Một kết quả nghiên cứu ở Hoa Kỳ cho thấy sinh viên đại học là nhóm đối tượng có nguy cơ cao nhiễm HPV do thiếu nhận thức về HPV và có nhiều yếu tố nguy cơ cao: hút thuốc, quan hệ tình dục..., đồng thời khuyến cáo cần tiến hành nhiều nghiên cứu đánh giá kiến thức, thực hành về phòng chống HPV cho sinh viên đại học [2].

Sinh viên Dược trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội là những cán bộ y tế tương lai, nếu được trang bị đầy đủ kiến thức, thúc đẩy hành vi phù hợp sẽ giúp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế này và giáo dục sức khỏe cộng đồng. Để tìm hiểu thực trạng cũng như có các giải pháp can thiệp phù hợp, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả thực trạng thực hành tiêm phòng HPV của sinh viên Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023 và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Trường đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thời gian nghiên cứu: nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024, thời gian thu thập số liệu vào tháng 2 và tháng 3 năm 2024.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội và đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu:

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu chủ đích.

Cỡ mẫu khảo sát được tính theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 \times p(1 - p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nghiên cứu.

Z là hệ số giới hạn tin cậy. Với độ tin cậy bằng 95% có Z = 1,96.

p là tỷ lệ sinh viên đạt kiến thức về phòng ung thư cổ tử cung là 26,7% theo nghiên cứu của Đỗ Thị Thùy Vân và cộng sự [3].

d là khoảng chênh lệch cho phép (d = 0,06).

Như vậy cỡ mẫu tối thiểu tính được n = 209. Lấy thêm 10% để phòng sai số. Trên thực tế chúng tôi phỏng vấn được 234 sinh viên.

2.5. Biến số, chỉ số

Nghiên cứu khảo sát các nhóm biến số:

- Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: năm học, giới tính, nguồn thông tin tiếp cận ung thư cổ tử cung.

- Kiến thức: kiến thức về ung thư cổ tử cung, kiến thức về HPV, kiến thức về phòng HPV.

- Thực hành: thực trạng tiêm vaccin HPV (số mũi đã tiêm phòng, thời điểm tiêm...), dự định tiêm phòng, lý do tiêm, lý do không tiêm, thực hành đạt.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu được cung cấp phiếu điều tra online và tự trả lời.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập bằng phần mềm Excel và phân tích bằng phần mềm SPSS 27.

Để đánh giá kiến thức, mỗi lựa chọn đúng trong các câu hỏi được tính 1 điểm. Trong mỗi câu hỏi có thể có nhiều lựa chọn đúng. Kiến thức được coi là đạt khi tổng điểm kiến thức đạt từ 50% tổng số điểm tối đa trở lên. Phần thực hành về tiêm phòng vaccin HPV được đánh giá theo việc tiêm phòng vaccin HPV ở đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu tiêm phòng đủ 3 mũi vaccin được đánh giá là thực hành đạt. Những đối tượng chưa tiêm, tiêm 1 hoặc 2 mũi được đánh giá là thực hành không đạt.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Trước khi tham gia, đối tượng nghiên cứu được cung cấp rõ ràng, đầy đủ thông tin liên quan đến mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu được bảo mật. Nghiên cứu không ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của sinh viên.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

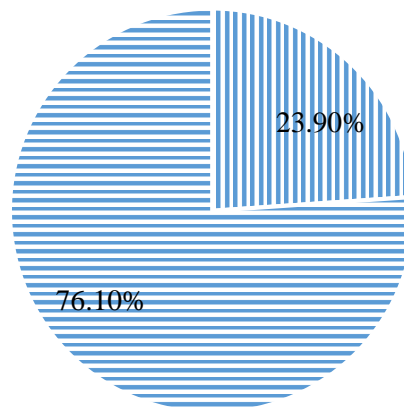
Trong tổng số 234 sinh viên được lựa chọn đưa vào nghiên cứu này, chỉ có 70 sinh viên đã tiêm phòng vaccin HPV, còn lại 164 sinh viên chưa tiêm phòng vaccin HPV.

Bảng 1: Thực hành tiêm phòng vaccin HPV của đối tượng nghiên cứu

Thực hành tiêm phòng vaccin HPV		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đã tiêm phòng vaccin HPV (n = 234)		70	29,9
Thời điểm tiêm (n = 70)	9-14 tuổi	16	22,9
	15-17 tuổi	17	24,3
	> 17 tuổi	36	51,4
	Không nhớ	1	1,4
Thời điểm tiêm đã quan hệ tình dục chưa (n = 70)	Đã quan hệ tình dục	7	10
	Chưa quan hệ tình dục	62	88,6
	Không nhớ	1	1,4
Lý do tiêm phòng (n = 70)	Lo lắng có thể nhiễm HPV trong tương lai	55	78,6
	Nhận được lời khuyên từ gia đình, bạn tình	45	64,3
	Nhận được lời khuyên từ nhân viên y tế	27	38,6
	Nhận được lời khuyên từ bạn bè	22	31,4
	Cảm thấy cần tiêm	37	52,9
	Thấy nhiều người tiêm	9	12,9
Lý do không tiêm phòng (n = 164)	Lo ngại về an toàn vaccin	9	5,5
	Lo ngại về tác dụng phụ của vaccin	14	8,5
	Giá quá đắt	93	56,7
	Không quan hệ tình dục	11	6,7
	Cảm thấy không cần thiết	11	6,7
	Gia đình không đồng ý	5	3,0
	Không biết chỗ tiêm	23	14,0
	Cảm thấy nam giới không cần tiêm	17	10,4
	Lý do khác	35	21,3
Dự định tiêm phòng vaccin HPV cho mình (n = 164)	Có, chắc chắn	60	36,6
	Có thể có	85	51,8
	Không	8	4,9
	Không biết	11	6,7
Dự định giới thiệu vaccin tiêm phòng HPV (n = 234)	Có, chắc chắn	145	62,0
	Có thể có	72	30,8
	Không	7	3,0
	Không biết	10	4,3

Có 70/234 sinh viên (29,9%) đã tiêm phòng vaccin HPV, trong đó có 56/234 sinh viên (23,9%) đã tiêm đủ 3 mũi vaccin HPV và chủ yếu sinh viên tiêm phòng khi chưa quan hệ tình dục (62/70 sinh viên). Về lý do đã tiêm phòng có 78,6% sinh viên cho rằng lo lắng có thể nhiễm HPV trong tương lai. Có 52,9% sinh viên cảm thấy cần tiêm khi biết được các kiến thức về HPV và ung thư cổ tử cung. Đa số sinh viên cho rằng lý do không đi tiêm phòng vaccin HPV là giá quá đắt (56,7%). Chỉ có 36,6% sinh viên chắc chắn về dự định tiêm phòng vaccin HPV. 62% sinh viên chắc chắn giới thiệu vaccin tiêm phòng HPV.

Biểu đồ 1: Đánh giá thực hành tiêm vaccin phòng HPV (n = 234)



■ Đạt = Chưa đạt

Có 56/234 sinh viên (23,9%) được hỏi đã tiêm đủ 3 mũi vaccin phòng HPV, còn lại 178/234 sinh viên (76,1%) thuộc các trường hợp chưa tiêm, không nhớ số mũi tiêm hoặc tiêm từ 1 đến 2 mũi.

Bảng 2: Mối liên quan giữa một số yếu tố cá nhân và thực hành tiêm vaccin HPV

Đặc điểm cá nhân		Thực hành đạt	Thực hành không đạt	p
Năm học	Năm 1 (n = 43)	7 (16,3%)	36 (83,7%)	< 0,001
	Năm 2 (n = 56)	8 (14,3%)	48 (85,7%)	
	Năm 3 (n = 26)	3 (11,5%)	23 (88,5%)	
	Năm 4 (n = 48)	10 (20,8%)	38 (79,2%)	
	Năm 5 (n = 61)	28 (45,9%)	33 (54,1%)	
Giới tính	Nam (n = 53)	3 (5,7%)	50 (94,3%)	< 0,001
	Nữ (n = 181)	53 (29,3%)	128 (70,7%)	
Nơi ở trước khi vào trường	Thành phố, thị xã (n = 54)	23 (42,6%)	31 (57,4%)	< 0,001
	Nông thôn (n = 166)	32 (19,3%)	134 (80,7%)	
	Miền núi (n = 14)	1 (7,1%)	13 (92,9%)	
Tình trạng mối quan hệ nam nữ	Độc thân (n = 197)	40 (20,3%)	157 (79,7%)	0,007
	Đang trong mối quan hệ (n = 33)	15 (45,5%)	18 (54,5%)	
	Khác (n = 4)	1 (25,0%)	3 (75,0%)	

Tỷ lệ thực hành tiêm phòng HPV đạt ở sinh viên năm thứ 4 và thứ 5 cao hơn so với sinh viên những năm trước đó. Nữ giới có tỷ lệ thực hành đạt cao hơn đáng kể so với nam giới (29,3% so với 5,7%). Tỷ lệ này cao nhất ở sinh viên tới từ thành phố (42,6%) và thấp nhất ở nhóm sinh viên tới từ miền núi (7,1%). Những sinh viên đang trong một mối quan hệ nam nữ (45,5%) cũng có tỷ lệ thực hành đạt cao hơn sinh viên độc thân (20,3%). Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3: Mối liên quan giữa việc tiếp cận các thông tin và thực hành tiêm vaccin HPV

Tiếp cận thông tin		Thực hành đạt	Thực hành không đạt	p
Nói chuyện với gia đình về vấn đề tình dục	Có (n = 26)	26 (50,0%)	26 (50,0%)	< 0,001
	Không (n = 182)	30 (16,5%)	152 (83,5%)	
Người quen mắc ung thư cổ tử cung	Có (n = 25)	13 (52,0%)	12 (48,0%)	0,002
	Không (n = 132)	29 (22,0%)	103 (78,0%)	
	Không biết (n = 77)	14 (18,2%)	63 (81,8%)	

Tiếp cận thông tin		Thực hành đạt	Thực hành không đạt	p
Nguồn thông tin nghe được về HPV	Nhân viên y tế (n = 107)	38 (35,5%)	69 (64,5%)	< 0,001
	Tivi hoặc đài (n = 91)	33 (36,3%)	58 (63,7%)	< 0,001
	Không có thông tin (n = 36)			
Nhận được lời khuyên tiêm phòng từ đâu	Người thân (n = 130)	47 (36,2%)	83 (63,8%)	< 0,001
	Nhân viên y tế (n = 89)	33 (37,1%)	56 (62,9%)	< 0,001
	Không có lời khuyên (n = 15)			
Kiến thức HPV	Đạt (n = 156)	48 (30,8%)	108 (69,2%)	< 0,001
	Không đạt (n = 78)	8 (10,3%)	70 (89,7%)	
Kiến thức về ung thư cổ tử cung	Đạt (n = 126)	39 (31,0%)	87 (69,0%)	0,007
	Không đạt (n = 108)	17 (15,7%)	91 (84,3%)	
Kiến thức vaccin	Đạt (n = 149)	46 (30,9%)	103 (69,1%)	< 0,001
	Không đạt (n = 85)	10 (11,8%)	75 (88,2%)	

Những sinh viên có chia sẻ với gia đình về tình dục, có người quen mắc ung thư cổ tử cung, được nghe thông tin HPV từ nhân viên y tế, phương tiện truyền thông, nhận được lời khuyên tiêm phòng từ người thân, nhân viên y tế, hoặc những sinh viên có kiến thức về ung thư cổ tử cung và về HPV mức đạt có tỷ lệ thực hành tiêm chủng HPV cao hơn đáng kể so với những nhóm còn lại ($p < 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Thực hành về tiêm vaccin HPV

Hơn 50% sinh viên thực hiện tiêm phòng vào độ tuổi lớn hơn 17 tuổi, cho thấy sinh viên đều thực hiện tiêm phòng khá muộn, thời gian thực hiện không nằm trong thời gian ưu tiên nhất theo hướng dẫn của Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế [4]. Nghiên cứu cho thấy các lý do sinh viên chấp nhận tiêm vaccin phòng HPV, đa số sinh viên lo lắng có thể nhiễm bệnh trong tương lai [6], [8]. Tỷ lệ này cho thấy sinh viên trong nghiên cứu này có nhận thức tốt về việc tự bảo vệ bản thân trước các bệnh đã có vaccin phòng ngừa. Hơn 50% sinh viên cảm thấy cần tiêm khi biết được các kiến thức về HPV, ung thư cổ tử cung. Tỷ lệ này cho thấy can thiệp nâng cao kiến thức là quan trọng đối với việc chấp nhận tiêm phòng của cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu hiện tại chỉ có 23,9% sinh viên đã tiêm đủ liều hay đạt thực hành đạt tiêm vaccin. Tỷ lệ trả lời có dự định chắc chắn sẽ tiêm cũng chỉ chiếm 36,6%. Tỷ lệ tiêm và có kế hoạch tiêm trong nghiên cứu này còn thấp, có thể do kiến thức còn hạn chế. Y văn cũng đã chứng minh một người sẵn sàng tiêm vaccin phòng HPV hay không liên quan chặt chẽ với kiến thức của người đó về HPV, ung thư và các yếu tố nguy cơ khác [5]. Tỷ lệ thực hành tiêm phòng HPV đạt tương đồng với nghiên cứu của Vũ Ngọc Hà (năm 2022) tiến hành trên nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại

học Quốc gia Hà Nội (22,3%) [6]. Tuy nhiên, kết quả này thấp hơn nhiều so với mục tiêu mà Tổng giám đốc Tổ chức Y tế thế giới đề ra vào năm 2018 là đến năm 2030, mỗi quốc gia bảo đảm ít nhất 90% bé gái được tiêm đầy đủ vaccin ngừa ung thư cổ tử cung trước 15 tuổi. Trong khi đó, một số nước ở các khu vực châu Âu, châu Mỹ có tỷ lệ tiêm vaccin cao hơn đáng kể, như nghiên cứu phạm vi tiêm chủng ngừa HPV ở các bé gái Đức cho thấy 39,5% đối tượng tiêm đủ 3 liều [7]. Khác biệt này có thể do vaccin HPV tại Việt Nam chỉ có trong chương trình tiêm chủng dịch vụ mà chưa được đưa vào chương trình tiêm chủng quốc gia, giá thành vaccin còn cao. Trên thực tế, 56,7% sinh viên trong nghiên cứu này cho rằng lý do không tiêm phòng HPV là giá quá đắt. Nhiều nghiên cứu trên thế giới cho thấy chi phí là một trong những rào cản rất lớn để các đối tượng tiếp cận với dịch vụ tiêm vaccin phòng chống HPV. Hơn nữa nếu chi phí được nhà nước chi trả, tỷ lệ tiêm vaccin có thể tăng lên [5]. Do đó, cần có các chính sách hỗ trợ giá để người dân dễ dàng tiếp cận vaccin HPV. Chỉ có 36,6% sinh viên chắc chắn về dự định tiêm phòng vaccin HPV. Bên cạnh đó, việc lo sợ về tác dụng phụ và mức độ an toàn của vaccin cũng là một trong những rào cản khiến sinh viên chưa tiêm vaccin. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ này lần lượt là 8,5% và 5,5%. Tuy nhiên, một số nghiên cứu đã chứng minh vaccin phòng HPV có khả năng bảo vệ lâu dài và có thể duy trì ở mức cao trong thời gian 8-9 năm, thời gian bảo vệ của vaccin vẫn tiếp tục được nghiên cứu và không có tác dụng phụ nghiêm trọng nào liên quan đến việc tiêm vaccin được báo cáo trong các nghiên cứu lâm sàng.

Một số yếu tố liên quan

Kết quả cho thấy có mối liên quan giữa năm học với thực hành tiêm vaccin HPV ($p < 0,05$). Sinh viên năm 4 và 5 có thực hành cao nhất. Kết quả này phù hợp với

kết quả của nhiều nghiên cứu khác. Theo nghiên cứu được thực hiện trên trẻ nữ vị thành niên ở Hồng Kông, khi nghiên cứu chỉ ra học sinh học lớp càng cao thì có điểm kiến thức càng cao. Nghiên cứu tỷ lệ tiêm ngừa vaccin HPV trên cùng đối tượng của Dương Mỹ Linh cho thấy, nữ sinh viên năm thứ 6 có tỷ lệ tiêm ngừa cao nhất chiếm 38,9%; kế đến là năm thứ 4 chiếm 36,7%; thấp nhất là sinh viên năm thứ 2 chiếm 20% [8].

Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính với thực hành tiêm phòng vaccin HPV ($p < 0,05$). Nam giới thực hành thấp hơn nữ giới. Kết quả này tương tự với kết quả của các nghiên cứu khác [9], [10]. Điều này có thể do các thông tin về HPV hầu hết đều tập trung đến các bệnh lý liên quan đến nữ giới như ung thư cổ tử cung và các khuyến cáo đa phần đều tập trung vào đối tượng nữ giới [8]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ có 3 nam sinh viên đã từng tiêm HPV, thấp hơn nữ giới rất nhiều. Điều này có thể do kiến thức của nam giới về HPV và vaccin HPV trong nghiên cứu thấp hơn nữ giới, ngoài ra nam giới ít quan tâm đến vấn đề sức khỏe dẫn đến tỷ lệ nam giới tiêm phòng thấp. Bên cạnh đó, sự quan tâm thấp của nam giới có thể một phần là do chiến dịch vaccin HPV tập trung chủ yếu vào ung thư cổ tử cung, do đó các thông tin như phòng ngừa ung thư dương vật, hậu môn và vòm họng chưa được nêu bật. Chính vì vậy, cần tổ chức các chương trình giáo dục sức khỏe về HPV và vaccin HPV cho sinh viên, đặc biệt là nhóm sinh viên nam.

Mối liên quan giữa nghe nói về HPV với thực hành tiêm vaccin HPV cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của chúng tôi ($p < 0,05$). Những sinh viên nghe nói về HPV thực hành tiêm vaccin HPV tốt hơn những sinh viên còn lại. Kết quả này đã được chứng minh qua nhiều nghiên cứu trước đó [5]. Giải thích cho kết quả này có thể do việc có thông tin trước về HPV giúp sinh viên có một cái nhìn nhất định về HPV, qua đó có kiến thức và thực hành tốt hơn.

Kết quả nghiên cứu tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa yếu tố nói chuyện với gia đình trong vấn đề tình dục và có người thân mắc ung thư cổ tử cung với kiến thức HPV, ung thư cổ tử cung và thực hành tiêm vaccin HPV ($p < 0,05$). Sinh viên nói chuyện với gia đình trong vấn đề tình dục và có người thân hoặc người quen mắc ung thư cổ tử cung có kiến thức và thực hành tốt hơn. Những phát hiện này trong nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với các nghiên cứu trước đây [11].

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa yếu tố nơi ở trước khi vào trường và thực hành tiêm phòng vaccin HPV. Những sinh viên ở thành thị có tỷ lệ đạt thực hành cao nhất, tiếp đến là sinh viên ở nông thôn. Kết quả này tương đồng với kết quả các nghiên cứu trước đó [12], [13]. Sự khác biệt này có thể do khác biệt về tiếp cận các thông tin, nhu cầu chăm

sóc sức khỏe và điều kiện sống ở các khu vực nông thôn, thành thị và miền núi.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, đã tìm thấy mối liên quan giữa tình trạng mối quan hệ nam nữ của sinh viên và tỷ lệ tiêm phòng HPV tương tự các phát hiện trước đây [14]. Tuy nhiên, kết quả của nghiên cứu này ngược với kết quả của Hollins A và cộng sự chỉ ra rằng những người đã kết hôn hoặc sống chung với bạn tình ít có khả năng tiêm chủng đầy đủ hơn, điều này có thể do họ tin rằng họ không có nguy cơ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục [15]. Các tài liệu cho thấy phụ nữ độc thân có nhiều khả năng quan tâm đến tiêm chủng hơn đáng kể so với phụ nữ đã kết hôn.

Bên cạnh đó nhóm đối tượng nghe thông tin về HPV qua nhân viên y tế, gia đình, bạn bè, nhận được các lời khuyên tiêm phòng sẽ có thực hành đạt cao hơn nhóm đối tượng còn lại. Điều này cũng phù hợp với kết quả của nhiều nghiên cứu khác. Nghiên cứu của Dinh T.A và cộng sự cũng cho kết quả 95% bà mẹ cho rằng lời khuyên từ bác sỹ sẽ rất quan trọng trong việc ra quyết định tiêm phòng HPV cho con của họ và 78% cho rằng phương tiện truyền thông sẽ rất quan trọng [16]. Kết quả này cho thấy ý nghĩa của việc thực hiện và lồng ghép các chương trình truyền thông cho cộng đồng.

Nhóm đối tượng có kiến thức về HPV, ung thư cổ tử cung, vaccin HPV có tỷ lệ tiêm đủ 3 mũi vaccin cao hơn so với nhóm còn lại ($p < 0,05$). Nghiên cứu của Đặng Thảo Nguyên thấy những học sinh có kiến thức đúng thì có số chênh lệch về tỷ lệ tiêm ngừa HPV cao hơn những học sinh không có kiến thức đúng 2,45 lần với $p < 0,001$. Điều này dễ hiểu vì khi kiến thức tốt, sinh viên nhận thức được mức độ nguy hiểm của HPV, hiệu quả của vaccin phòng HPV dẫn đến tăng thực hành tiêm vaccin HPV.

5. KẾT LUẬN

Thực hành tiêm đủ liều vaccin HPV ở sinh viên Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội còn thấp, chiếm 23,9%. Các đặc điểm cá nhân như năm học, giới tính, nơi sống, mối quan hệ và các đặc điểm tiếp cận thông tin của sinh viên có liên quan tới thực hành tiêm phòng HPV.

Cần có các chương trình hỗ trợ về chi phí tiêm phòng HPV và can thiệp tới kiến thức của cộng đồng nói chung và sinh viên nói riêng để tăng tỷ lệ thực hành tiêm phòng HPV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan NTH, Tran QT, Nguyen NPT et al, Closing the gap for cervical cancer research in Vietnam: current perspectives and future opportunities. A report from the 5th Gynecologic Cancer InterGroup (GCIG) Cervical Cancer Research

- Network (CCRN) Education Symposium, J. Gynecol Oncol, 2023, 34 (5).
- [2] Lê Văn Hội, Kiến thức, thái độ thực hành tiêm vaccin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019, 2019.
- [3] Đỗ Thị Thùy Vân, Việt Thị Minh Trang, Kiến thức, thái độ và hành vi phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên cử nhân điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 532 (2).
- [4] Nguyễn Thị Hằng, Kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh ung thư cổ tử cung của nữ nhân viên y tế công cộng và dinh dưỡng tại Trường Đại học Y Hà Nội năm 2020 và một số yếu tố liên quan, 2020.
- [5] Koç Z, University Students Knowledge and Attitudes Regarding Cervical Cancer, Human Papillomavirut, and Human Papillomavirut Vaccines in Turkey, Journal of American College Health, 2015, 63 (1), 13-22.
- [6] Vũ Ngọc Hà, Thực trạng tiêm vaccin phòng ung thư cổ tử cung của nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 531 (2).
- [7] Poethko - Müller C, Buttman - Schweiger N, KiGGS Study Group, HPV vaccination coverage in German girls: results of the KiGGS study, Bundesgesundheitsblatt Gesundheitsforschung Gesundheitsschutz, 2014, 57 (7).
- [8] Trương Thị Ánh Nguyệt, Lê Thọ Minh, Nguyễn Thị Minh Hiếu và cộng sự, Tình hình tiêm vaccin HPV của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe tại Đà Nẵng, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, 2023, 110-114.
- [9] Yacobi E, Tennant C, Ferrante J, University Students' Knowledge and Awareness of HPV, Preventive Medicine, 1999, 28 (6), 535-541.
- [10] Ngô Thị Huyền, Kiến thức, thái độ và sự tuân thủ tiêm phòng vaccin HPV của sinh viên điều dưỡng và y đa khoa tại Trường Đại học Đại Nam, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 529 (2).
- [11] Cinar İO, Ozkan S, Aslan GK, et al, Knowledge and Behavior of University Students toward Human Papillomavirut and Vaccination. Asia Pac J Oncol Nurs. 2019; 6(3): 300-307.
- [12] Tran NT, Phan TNT, Pham TT, Urban-rural disparities in acceptance of human papillomavirut vaccination among women in Can Tho, Vietnam, Ann Ig., 2023, 35 (6), 641-659.
- [13] Rashwan HH, Saat NZNM, Abd Manan DN, Knowledge, attitude and practice of malaysian medical and pharmacy students towards human papillomavirut vaccination, Asian Pac J. Cancer Prev, 2012, 13 (5), 2279-2283.
- [14] Phạm Thị Huyền Trang, Thực trạng kiến thức, thực hành tiêm vaccin phòng ngừa ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan của sinh viên nữ trường Đại học Võ Trường Toản năm 2021, 2021.
- [15] Hollins A, Wardell D, Fernandez M.E, Human Papillomavirut Vaccination Status and Parental Endorsement Intentions among Undergraduate Student Nurses, Int. J. Environ Res Public Health, 2021, 18(6): 3232.
- [16] Dinh TA, Rosenthal SL, Doan ED et al Attitudes of Mothers in Da Nang, Vietnam toward a Human Papillomavirut Vaccine, Journal of Adolescent Health, 2007, 40 (6), 559-563.